TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

2. Bà Trương Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Bà Ma Thị Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 274/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2023.

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Ma Thị H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ma Thị H được tự do tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân, kết hôn vào năm 2021 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp

về phong tục tập quán, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không thể khắc phục được. Sau khi mâu thuẫn sảy ra chị H đã về ở nhà bố mẹ đẻ là ông Ma Đức V1 và bà Ma Thị N2, trú tại thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang sống, anh T, chị H đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Ma Thị H đến để giải quyết việc anh Nguyễn Minh T đề nghị ly hôn nhưng chị H đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Ma Đức V1 (bố đẻ của chị Ma Thị H) thì anh T và chị H có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau khi cưới thì vợ chồng chị H và anh T sống tại thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Giữa anh T và chị H có phát sinh mâu thuẫn nhưng do nguyên nhân gì và thời gian nào ông không biết. Quá trình chung sống chị H và anh T chưa có con chung.

Anh T làm đơn xin ly hôn với chị H, chị H có biết nhưng do đi làm ăn xa nên không về. Ông Vấn cũng không biết địa chỉ nơi làm việc của chị H. Gia đình ông có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho chị H biết việc anh T xin ly hôn nhưng chị H không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của anh Nguyễn Minh T, cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Ma Thị H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Minh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Minh T phải chịu toàn bộ tiền phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Chị Ma Thị H không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh ly hôn với chị Ma Thị H; Chị Ma Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn N1, xã T1, huyện C. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ma Thị H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T và chị Ma Thị H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng anh T, chị H không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh T.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Minh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Minh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H không phải chịu tiền áp phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 ; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của anh Nguyễn Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Ma Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Anh T đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0005499, ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nay được chuyển thành tiền án phí. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Ma Thị H không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Minh T, chị Ma Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc